

## VỀ SẮC THÁI MỘT SỐ CÂU HỎI CÓ TRỢ TỪ NGHI VẤN TRONG TIẾNG VIỆT

ĐẶNG VĂN ĐẠM

1.1. Hỏi và trả lời là hoạt động nói năng chủ yếu trong hoạt động giao tiếp. Vì vậy nắm chắc hệ thống câu hỏi (và các hình thức trả lời) là một yêu cầu, một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình học một ngoại ngữ nào đó.

Xem xét hệ thống câu hỏi của tiếng Việt là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của quá trình hoàn thiện chương trình, giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài.

1.2. Trong bài này, chúng tôi chỉ phân loại các kiểu câu hỏi tiếng Việt và xem xét một số câu hỏi trong một giới hạn nhỏ hẹp: Sắc thái của một số câu hỏi có trợ từ nghi vấn trong tiếng Việt.

2.1. Qua khảo sát, so sánh, chúng tôi thấy, trước hết, có thể chia hệ thống câu hỏi của tiếng Việt thành 2 loại lớn: a/ Loại có đại từ nghi vấn (ai, gì, nào v.v....), b/ Loại không có đại từ nghi vấn. Thí dụ:

2.1. a. Loại có đại từ nghi vấn:

- Bà tìm *ai*, thưa bà? (NCH).
- *Ai* đi *dâu* đấy? (NC).
- *Bao giờ* mẹ định về? (NCH).

....

2.1. b. Loại không có đại từ nghi vấn:

- Các anh vẫn ở nhà? (NC).
- Có nặng *không*, hờ bác? (NCH).
- Bà cụ còn *chứ*? (NCH).

....

Loại này có thể được chia làm 3 nhóm nhỏ

2.1b.1. Nhóm thứ nhất bao gồm các câu hỏi chỉ dùng *ngữ điệu* kèm theo điệu bộ, nét mặt hoặc ngữ cảnh để biểu thị ý nghi vấn. Thí dụ:

- Ông vẫn bình yên? (NCH).

- Thế rồi cậu bỏ tôi bơ vơ ? (NCH).

v.v....

Về mặt chữ viết, các câu hỏi thuộc nhóm này chỉ được thể hiện bởi dấu chấm hỏi (?) và ngữ cảnh cụ thể. Trong dạy thực hành, nhóm câu hỏi này không chỉ khó khăn đối với người nước ngoài mà còn khó sử dụng cả đối với thế hệ trẻ của người bản ngữ - người Việt.

Nhiều tác giả sách dạy tiếng Việt chưa đưa nhóm câu hỏi này vào thực tế dạy học chính vì người nước ngoài chỉ có thể có kỹ năng sử dụng các câu hỏi thuộc nhóm này khi đã thành thạo tiếng Việt, có vốn sống phong phú và kinh nghiệm giao tiếp nhất định.

2.1.b.2. Nhóm thứ hai dùng sự đối lập có tính lựa chọn của hư từ cú pháp (hay, hoặc, có-không, đã-chưa) để biểu thị. Thí dụ:

- Thế cậu *đã* về *chưa*, hờ mợ ? (CNH).

- Có *nặng không*, hờ bác ? (NCH).

- Bà *dè* con so *hay* con *rà* ? (NCH)

v.v...

Đây là nhóm câu hỏi có ý lựa chọn (Câu hỏi không toàn bộ). Nhóm này không khó lắm đối với người nước ngoài.

2.1.b.3. Nhóm thứ ba dùng các từ như *à*, *chứ*, *chăng*,... để biểu thị. Chúng tôi gọi các từ *à*, *chứ*, *chăng*,... là các trợ từ nghi vấn. <sup>(1)</sup>

- Mợ giận tôi *à* ? (NCH).

- Bà cụ còn *chứ* ? (NCH).

- Anh ta đến *chăng* ?

v.v...

2.2. Chúng tôi chỉ xem xét, miêu tả một số câu hỏi thuộc nhóm thứ ba này (2.1.b.3). Theo quan điểm chúng tôi, các câu hỏi thuộc nhóm này hết sức quan trọng đối với người nước ngoài học tiếng Việt. Trong mọi hoàn cảnh giao tiếp, chúng ta đều có thể gặp một trong những câu hỏi thuộc nhóm này. Mặt khác, các câu hỏi thuộc nhóm này khu biệt nhau bởi những sắc thái hết sức tế nhị. Không nắm chắc những khác biệt tế nhị đó, người nước ngoài sẽ khó mà tránh được sự lúng túng trong thực tế giao tiếp.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ giới hạn việc xem xét ở 3 kiểu câu hỏi: "... *à* ?", "... *chứ* ?", "... *chăng* ?".

2.2.1. Trong các giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài, các tác giả đều đã đề cập đến các câu hỏi nêu trên. Có thể nói là không cần bổ sung cho danh mục các câu hỏi thuộc nhóm này. Tuy nhiên, nhược điểm của hầu hết các giáo trình là các tác giả chỉ dừng lại ở việc trình bày lược đồ (schema) cấu trúc của câu hỏi và luyện tập. Hầu như chưa có tác giả nào chú ý đúng mức tới việc khu biệt sắc thái khác nhau của các câu hỏi nhóm này.

2.2.2. Trong từ điển tiếng Việt do Văn Tân chủ biên (NXB KHXH HN-1967), các từ

nêu trên chỉ được tường giải một các sơ sài. Người sử dụng, ngay cả người Việt, cũng khó có thể xác định được cách sử dụng với những sắc thái như thế nào nếu chỉ tra cứu theo từ điển. Thí dụ:

1/ à : "2. Từ đặt ở cuối câu hỏi: Học thuộc bài rồi à ?" (tr. 14)

2/ Chứ : " 1. Từ dùng để tỏ một ý nghi vấn có nghĩa là "hay không":

"Anh cho tôi mượn quyển sách này chứ ?" (tr.232)

3/ chẳng : "có hay không (từ dùng trong một câu nghi vấn):

Nàng đã biết đến ta chẳng ? (K)" (tr.174)

2.2.3. Trong cuốn " **Hư từ trong tiếng Việt**" của Nguyễn Anh Quế (NXB KHXH-HN. 1988), chúng ta thấy các từ à, chứ, chẳng được xếp vào nhóm "ngữ khí từ tạo câu nghi vấn". Tác giả đã xử lý và miêu tả các từ này kỹ hơn, chính xác hơn. Người ta đã có thể thấy được ở mức độ nào đó sắc thái khác nhau của à? chứ? chẳng? trong khi sử dụng. Tuy nhiên do khuôn khổ có hạn của cuốn sách, tác giả mới chỉ nêu được những nét chung, rất khái quát về các từ này. Vì vậy, trên bình diện thực hành, chúng tôi cần đi sâu hơn. (Xem HTTPV-NAQ-tr.222-227)

2.3. Các trợ từ nghi vấn à, chứ, chẳng,... của tiếng Việt có những nét khu biệt rất tế nhị về chức năng. Người ta sử dụng các từ này với những mục đích khác nhau, trong những tình huống hỏi đáp khác nhau. "Do mang những sắc thái tình cảm khác nhau, phần lớn những từ chuyên dụng ở đây (tức các trợ từ nghi vấn đang xem xét- ĐVĐ) cũng được dùng vào những mục đích khác nhau thích hợp với chúng" (DOB-sách đã dẫn. tr. 236)

2.3.1. Câu hỏi "... à?". Đây là kiểu câu hỏi có tần số xuất hiện cao. Chúng ta có thể gặp câu hỏi kiểu này hầu như ở mọi tình huống giao tiếp:

- Con Thanh đã về đấy à ? (NCH).

- Mà đúng đấy à ? (NC) v.v..

Khi cần bày tỏ sự kính trọng, người ta thường thay "... à" bằng "...ạ? Thí dụ :

- Thế mà cụ không chạy ạ ? (NC)

Trong thơ ca, có thể, do đề đảm bảo tính nhịp điệu hiệp vần v.v..., à có thể được thay bằng a:

- "Ngày trước làm quan cũng thế a ?" (NK).

2.3.2. Câu hỏi "... à?" được dùng trong các trường hợp sau:

2.3.2.a. Người hỏi muốn kiểm tra hoặc nói thẳng dự cảm hay dự đoán của mình (presentiment, prediction):

Thí dụ:

- Mợ giận tôi đấy à ?

- À. Cậu nhiech tôi à ?

2.3.2.b. Người hỏi nêu ra một thông tin, một tri thức v.v... để kiểm tra lại qua người

đối thoại mà người hỏi nghĩ rằng người đối thoại đã biết (hoặc có thể biết) thí dụ:

- Chữ "Đông" à ? (NCH)
- Tỉnh này rộng 4.780 km<sup>2</sup> à?

...

2.3.2.c. Người hỏi có thể nêu ra ý kiến, nhận xét của mình để được xác nhận (đúng hay sai). Thí dụ:

- Rõng nào? Rõng văn Giang ấy à ? (NCH)

2.3.2.d. à có thể được dùng để hỏi về một sự hiển nhiên cả người hỏi lẫn người được hỏi đều vừa chứng kiến (hoặc được biết) do ngạc nhiên, thán phục hay chưa rõ nguyên nhân, mục đích v. v... Thí dụ:

- Còn nhà trong nữa cơ à ? (NCH).
- Mình đi đây à ? (NC)

Trong cách dùng này (2.3.2.d), câu hỏi nhiều khi mang tính xã giao, "hỏi để mà hỏi" (hỏi thay lời chào) v.v....

- Anh gác đây à ? (NHT)
- À, ông Dụ, chưa về à ? (NCH).

2.3.3. Trợ từ à còn có thể dùng kết hợp với các trợ từ khác như vậy (thế, ấy, đấy, cơ, kia,...) vậy à, cơ à, v.v...

- Rõng nào ? Rõng văn Giang đấy à ? (NCH).

2.3.4. Câu hỏi "... chứ?" có mức độ nghi vấn mờ nhạt hơn so với câu hỏi "... à?". Câu hỏi này dùng trong các trường hợp sau:

2.3.4.a. Người hỏi nêu lại (nhắc lại) sự việc, thông tin mà cả người hỏi lẫn người được hỏi đều đã biết trong kế hoạch (dự kiến, thói quen) chung. Việc nêu câu hỏi chỉ là có để người được hỏi xác định lại một lần nữa. Thí dụ:

- Đi hát chứ ? (NC)
- Trưa rồi, ta cần nghỉ chứ ? (NCH).

2.3.4.b. Người hỏi nêu ra ý kiến để hỏi nhưng đã tin chắc là người được hỏi sẽ trả lời nhất trí (hỏi nhưng chờ sẵn sự trả lời nhất trí). Thí dụ:

- Bây giờ chúng ta về nhà anh chứ ? (NC)
- Đi chứ ?

Có thể nói cả hai trường hợp nêu trên (2.3.4.a và 2.3.4.b) đều là câu hỏi dọn đường, câu hỏi gợi ý khéo.

2.3.4.c. Dùng câu hỏi "...chứ ?", người hỏi có thể nêu ra một dự cảm (presentiment), một dự đoán (prediction) nhưng ở mức độ tin tưởng vào dự cảm, dự đoán của mình cao hơn so với trường hợp nêu câu hỏi với "à ?"

- Không theo gót sen nào đấy chứ ?

- Anh giận tôi chứ ?

...

Thử so sánh :

- Anh giận tôi à ? (1)

- Anh giận tôi chứ ? (2)

Ở câu (1) mức độ khẳng định về nội dung câu hỏi thấp hơn ở câu (2). Nói cách khác là ở câu (2) "mức độ nghi vấn không cao lắm" (NAQ-sách đã dẫn tr.225), còn trong câu (1) mức độ nghi vấn lại cao hơn.

2.3.5. Câu hỏi "... chẳng?". Đây là câu hỏi mang tính chất hoài nghi (sceptical). Câu hỏi được dùng trong các trường hợp sau:

2.3.5.a. Nêu một ý kiến có tính giả định (suppositional) và hoài nghi về tính hiện thực (reality) của nội dung đưa ra hỏi:

- Họ sợ chúng mình trung thành với họ quá chẳng ? (NC)

- Này ông Dụ, hay có điều gì tôi làm ông giận chẳng ? (NCH).

2.3.5.b. Câu hỏi này có thể bao hàm ý mỉa mai, châm biếm tế nhị:

- Hộp gì ? ấu ngọc chẳng ? (NC).

2.3.5.c. Người hỏi có thể "tự vấn" mình, "tự nhủ" mình trong kiểu hỏi với trợ từ "... chẳng?"

- Mình đến đó chẳng ?.

Khi tự vấn nhưng còn lưỡng lự thì dùng "chẳng". Nếu không lưỡng lự mà quyết tâm thì lại dùng "chứ?". So sánh:

- Mình đến đó chẳng ? (1)

- Mình đến đó chứ ? (2)

Như vậy 3 loại câu hỏi "... à ?", "... chứ ?", "... chẳng ?" có những đặc trưng khác nhau về mức độ "nghi vấn" và được dùng ở những tình huống khác nhau.

3.1. Việc xem xét một số câu hỏi có trợ từ nghi vấn nêu trên và việc phân loại câu hỏi tiếng Việt bước đầu cho chúng ta thấy hệ thống câu hỏi tiếng Việt đa dạng, phong phú với những sắc thái tế nhị. Mỗi loại câu hỏi hành chức trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

3.2. Việc xem xét, miêu tả chi tiết hệ thống câu hỏi của tiếng Việt là việc làm cấp thiết. Công việc này không chỉ phục vụ cho việc dạy thực hành tiếng Việt cho người nước ngoài mà còn phục vụ cho việc chú giải, biên soạn tài liệu dạy tiếng cho chính học sinh Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng sẽ thực hiện những bước tiếp theo của quá trình này trong thời gian không xa.

Hà Nội 31-11-1993



## CHÚ THÍCH

(1) Trong "Hư từ trong tiếng Việt" tác giả Nguyễn Anh Quế gọi các từ này là ngữ khí từ tạo câu nghi vấn (tr. 222).

Trong "Ngữ pháp tiếng Việt" tập II, tác giả Diệp Quang Ban gọi các từ này là tiêu từ chuyên dụng (tr. 235).

## INTERROGATIVE PARTICLE'S SHAKE OF MEANING IN THE VIETNAMESE'S QUESTIONS.

**Dang Van Dam**

1. In the Vietnamese's contact, system of questions and answers plays great and important role. Observation about this system is pressing task in the completion of composing program and course of Vietnamese for Foreigners.

2. Vietnamese's system of questions consists of 2 parts: a) First part comprises the question with interrogative pronoun (ai-who, Whom. gì, cái gì-what, vì sao-why, đâu where, etc...); b) Second part comprises 3 small group of questions, where haven't the interrogative pronouns: 1) First group consists of the questions expressed interrogative meaning by intonation, gestures and context. 2) Second group contains the questions, where the syntactic form-words expressed interrogative meaning. 3) Third group comprises the questions, where the interrogative meaning expressed by final interrogative particles with different shake of meaning.

3. This article's task is a description about final interrogative particle's different shakes of meaning in the questions: "... à ?", "... chứ?", "... chăng?".